

Bản án số: 116/2024/HNST

Ngày: 05-8-2024

Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thế Dũng
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Song Hoàn
Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện VKSND TP. tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị N - Kiểm sát viên.

Ngày 05-8-2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 99/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2024/QĐXXST-HN ngày 12 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2024/QĐST-HPT ngày 23-7-2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn H, sinh năm 1985 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi

- Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1987 (Vắng mặt);
Địa chỉ nhà số D, đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn ông Nguyễn H trình bày: Ông và bà Lê Thị T có thời gian tìm hiểu khoảng 1 năm thì tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006. Tại thời điểm này, hai bên có làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng sai thông tin cá nhân trong Giấy đăng ký kết hôn nên UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi đã hủy giấy đăng ký kết hôn cũ. Ông và bà T đã đăng ký kết hôn lại theo giấy chứng nhận kết hôn số 05/2017 ngày 19-01-2017. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Đến đầu năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do kinh tế khó khăn, một mình bà T vào Vũng Tàu làm ăn sinh sống 03 năm không về thăm chồng, con. Ông đã nhiều lần gọi điện, khuyên bảo bà T chuyển công việc về gần chồng, con tập trung khắc phục cùng nhau làm ăn nhưng bà T không đồng ý, vợ chồng cãi vã, bất đồng quan điểm. Mặc dù hai bên đã bàn bạc, tìm cách khắc

phục nhưng không đạt kết quả, mức độ mâu thuẫn ngày càng gia tăng, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn yêu thương, gắn bó với nhau. Vợ chồng ly thân mỗi người sống một nơi, ông thì sinh sống tại Quảng Ngãi, bà T sinh sống tại Vũng Tàu từ tháng 01/2020 đến nay. Thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị T.

- Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung, gồm: Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 02-01-2008 và Nguyễn Hoàng Bảo Q, sinh ngày 26-10-2014.

Ly hôn, ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu P và nhường quyền trực tiếp nuôi cháu Q cho bà T, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Bị đơn bà Lê Thị T trình bày:* Bà đồng ý với lời trình bày của ông H đề điều kiện kết hôn và quá trình chung sống của bà và ông H nêu trên. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không còn tình cảm, tính tình không hòa hợp, không còn quan tâm đến nhau. Trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông H, bà có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông H vì thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài.

- Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung, gồm: Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 02-01-2008 và Nguyễn Hoàng Bảo Q, sinh ngày 26-10-2014.

Ly hôn, bà đồng ý ông H trực tiếp nuôi dưỡng cháu P; bà trực tiếp nuôi cháu Q.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tại bản khai ngày 05-4-2024, bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu Q 3.000.000đồng/tháng, bà không cấp dưỡng nuôi cháu P. Tại buổi hòa giải ngày 28-6-2024, bà T đồng ý không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông H tạo lập được căn nhà, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, đứng tên ông Nguyễn Khắc D là bạn của ông H, trị giá khoảng 900.000.000đồng. Sau đó, bà và ông H đã dùng tài sản này để vay tiền tại Ngân hàng.

Nay ông H yêu cầu ly hôn, bà yêu cầu ông H bán nhà, đất trên để trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, số tiền còn lại chia đôi mỗi người hưởng ½. Ngoài ra, bà không có yêu cầu nào khác.

3. *Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:*

- Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa có cơ sở xác định, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông H và bà T là có thật dẫn đến vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt, các bên đều đồng ý ly hôn và đồng ý mỗi người

nuôi 01 con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận tự nguyện của các đương sự về các vấn đề trên. Về tài sản chung, nợ chung, quá trình tố tụng, bà T có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung, được Tòa án thông báo bằng văn bản về việc làm thủ tục phản tố, cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này nhưng phiên tòa được mở lần 2 bà T vẫn không thực hiện nên đề nghị Hội đồng xét xử dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác khi có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn H và bà Lê Thị T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Nay ông H có đơn yêu cầu ly hôn với bà T. Bà T cư trú, sinh sống tại Vũng Tàu. Do đó, xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình tố tụng, nguyên đơn đều có mặt. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần 1 do công việc không được nghỉ nhiều nên có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập lần 02 vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự theo qui định của pháp luật.

[2]. Xét nội dung các yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2017 ngày 19-01-2017 nên hôn nhân là hợp pháp.

Hai bên thừa nhận quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến ly thân sống mỗi người một nơi từ năm 2020 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên cả hai đều đồng ý ly hôn, do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của các đương sự.

[2.2]. Về con chung: Hai bên thừa nhận có 02 con chung, gồm: Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 02-01-2008 và Nguyễn Hoàng Bảo Q, sinh ngày 26-10-2014. Hai bên đồng ý, ông H trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, bà T trực tiếp nuôi cháu Q, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Thực tế, ông H và con chung Nguyễn Hoàng P sinh sống tại Quảng Ngãi, cháu P có nguyện vọng ở với ông H; Bà T cùng con chung Nguyễn Hoàng Bảo Q sinh sống tại Vũng Tàu từ năm 2020 đến nay. Cháu Q có nguyện vọng ở với mẹ. Để ổn định cuộc sống, không ảnh hưởng đến việc học tập của con chung, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của ông H, bà T về việc nuôi con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con, ban đầu bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu Q là 3.000.000đồng, bà không cấp dưỡng nuôi cháu P nhưng ông H không đồng ý nên tại buổi hòa giải ngày 28-6-2024, hai bên thống nhất không ai phải cấp dưỡng nuôi con, do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thống nhất của các đương sự về việc không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Theo đơn khởi kiện, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Quá trình tố tụng, ý kiến của bà T là chia tài sản chung, nợ chung nên Tòa án đã ban hành Thông báo số 26/TB-TA ngày 28-6-2024 về việc hướng dẫn bà T làm thủ tục phản tố nếu có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nhưng đến thời điểm Tòa án đưa vụ án ra xét xử, bà T không thực hiện theo hướng dẫn và vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự “*bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*”, do đó, Hội đồng xét xử dành riêng cho các đương sự quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc yêu cầu chia tài sản sau ly hôn.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông H phải nộp toàn bộ.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2, 3 Điều 36; Điều 39 và Điều 200 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Tuyên xử:

[1]. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, ông Nguyễn H và bà Lê Thị T thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Ông Nguyễn H và bà Lê Thị T có 02 con chung, gồm: Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 02-01-2008 và Nguyễn Hoàng Bảo Q, sinh ngày 26-10-2014.

Theo nguyện vọng của con chung và sự thỏa thuận của đương sự, Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Hoàng Pin cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Hoàng Bảo Q1 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Ông H, bà T không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Ông H, bà T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc các bên đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo qui định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông H phải nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn) nhưng được khấu trừ vào 300.000đồng (Ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí do ông Nguyễn H đã nộp theo biên lai thu số 0002450 ngày 28-02-2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vũng Tàu. Ông H đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết công khai) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục thi hành án DS TP. Vũng Tàu;
- UBND xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

Đoàn Thế Dũng

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**